BẢNG SỐ 3: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯM'GAR NĂM 2011

Kèm theo Quyết định số: 37/2010/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk

ĐVT: Đồng/m2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
I	**Thị trấn Quảng Phú**			
1	Đường Hùng Vương	Ranh giới xã Quảng Tiến	Lý Thường Kiệt	4,500,000
		Lý Thường Kiệt	Trần Kiên	6,000,000
		Trần Kiên	Giáp tổ dân phố 8	4,000,000
		Ranh giới TDP 7 và TD phố 8	Hết ranh giới TT Quảng Phú	1,300,000
2	Lý Nam Đế	Hùng Vương	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
3	Ngô Quyền	Hùng Vương	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
4	Nguyễn Trãi	Hùng Vương	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
5	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	Phù Đổng	1,500,000
		Phù Đổng	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
6	Mai Hắc Đế	Phù Đổng	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
7	Quang Trung	Hùng Vương	Phù Đổng	1,500,000
		Phù Đổng	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
8	Lê Đại Hành	Phù Đổng	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
9	Lê Lợi	Hùng Vương	Phù Đổng	1,500,000
		Phù Đổng	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
10	Lý Thái Tổ	Phù Đổng	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
11	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Phù Đổng	1,500,000
		Phù Đổng	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
12	Bà Triệu	Phù Đổng	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
13	Hai Bà Trưng	Phù Đổng	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
14	Đinh Tiên Hoàng	Phù Đổng	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
15	Trần Kiên	Hùng Vương	Phù Đổng	1,500,000
		Phù Đổng	Hàm Nghi	500,000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400,000
		Lê Lai	Hết đường	300,000
16	Nguyễn Hữu Thọ	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	1,500,000
17	Trường Chinh	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	1,500,000
18	Lê Duẩn	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	1,500,000
19	Đinh Núp	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	1,500,000
20	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	1,500,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
21	Lê Lai	Ranh giới xã Quảng Tiến	Trần Kiên	400,000
22	Nguyễn Thị Định	Bà Triệu	Trần Kiên	400,000
23	Hàm Nghi	Lý Nam Đế	Trần Kiên	500,000
24	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Kiên	Hết đường	400,000
25	Phù Đổng	Lý Thường Kiệt	Trần Kiên	1,500,000
26	Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Kiên	Hoàng Diệu	1,500,000
27	Trần Quang Khải	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	500,000
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	400,000
28	Bùi Thị Xuân	Hùng Vương	Nguyễn Du	500,000
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	400,000
29	Huỳnh Thúc Kháng	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	500,000
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	400,000
30	Phan Chu Trinh	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	500,000
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	400,000
31	Phan Bội Châu	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	2,500,000
		Nguyễn Chí Thanh	Giáp nghĩa địa	1,500,000
32	Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Du	Nguyễn Chí Thanh	2,500,000
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	500,000
33	Phạm Hồng Thái	Hùng Vương	Nguyễn Du	3,000,000
34	Hồ Xuân Hương	Nguyễn Du	Nguyễn Chí Thanh	3,000,000
35	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	6,000,000
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	1,500,000
		Nguyễn Công Trứ	Hết đường	400,000
36	Nguyễn Văn Trỗi	Hùng Vương	Nguyễn Du	3,000,000
37	Điện Biên Phủ	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	6,000,000
38	Hoàng Văn Thụ	Hùng Vương	Lê Hữu Trác	3,000,000
39	Cách Mạng Tháng 8	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	6,000,000
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	2,000,000
		Nguyễn Công Trứ	Hết đường	400,000
40	Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	400,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
41	Lý Tự Trọng	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	3,000,000
42	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	400,000
43	Lê Văn Tám	Y Bih Alêô	Nguyễn Chí Thanh	400,000
44	Võ Thị Sáu	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	400,000
45	Y Ngông Niê KĐăm	Hùng Vương	Nơ Trang Long	2,000,000
		Nơ Trang Long	Hết ranh giới thị trấn Quảng Phú	1,500,000
46	Trần Phú	Hùng Vương	Nơ Trang Lơng	500,000
47	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	A Ma Jhao	500,000
48	Hà Huy Tập	Hùng Vương	Nơ Trang Lơng	500,000
49	Phạm Văn Đồng	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	500,000
50	Nguyễn Văn Cừ	Hùng Vương	Hết đường	500,000
51	Tôn Đức Thắng	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	500,000
		Nguyễn Văn Linh	Hết đường	500,000
52	Kim Đồng	Hùng Vương	Hết đường	500,000
53	Lê Quý Đôn	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	700,000
54	Y Jút	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	500,000
		Nguyễn Văn Linh	Hết đường	500,000
55	Nơ Trang Guh	Hùng Vương	Hết đường	500,000
56	Lê Hữu Trác	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Y Ngông Niê KĐăm	3,000,000
57	Nguyễn Du	Trần Quang Khải	Phan Chu Trinh	500,000
		Phan Chu Trinh	Phan Bội Châu	1,000,000
		Phan Bội Châu	Phạm Hồng Thái, Hồ Xuân Hương	4,000,000
		Phạm Hồng Thái, Hồ Xuân Hương	Cách Mạng Tháng 8	5,500,000
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê KĐăm	4,500,000
58	Y Bih Alêô	Lý Tự Trọng	Y Ngông Niê KĐăm	400,000
59	Nguyễn Chí Thanh	Trần Quang Khải	Phan Bội Châu	500,000
		Đoàn Thị Điểm	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,500,000
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	5,500,000
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê KĐăm	4,500,000
60	Tô Hiệu	Phan Bội Châu	Cách Mạng Tháng 8	400,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
61	Nguyễn Công Trứ	Đoàn Thị Điểm	Y Ngông Niê KĐăm	400,000
62	Ngô Gia Tự	Nguyễn Văn Cừ	Nơ Trang Guh	500,000
63	Y Ơn	Hà Huy Tập	Kim Đồng	500,000
64	Nguyễn Văn Linh	Y Ngông Niê KĐăm	Nơ Trang Guh	500,000
65	Ama Jhao	Lê Hồng Phong	Hết đường	500,000
66	Nơ Trang Lơng	Y Ngông Niê KĐăm	Hà Huy Tập	500,000
67	Khu vực còn lại TDP 1: 5			400,000
68	Khu vực còn lại TDP 2			3,000,000
69	Khu vực còn lại TDP 3:4:7			300,000
70	Khu vực còn lại TDP 6			500,000
	Khu vực còn lại TDP 8			250,000
71	Đường giữa Hùng Vương và Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Hữu Thọ	Hoàng Diệu	1,000,000
72	Hẻm trường 10 -3	Quang Trung	Hết đường	400,000
73	Đường ranh giới TT Quảng Phú - xã Quảng Tiến	Hùng Vương	Nguyễn Du	500,000
74	Đường ranh giới xã Cư Mgar, khối 5 TT Quảng Phú	Ngã 3 Y Ngông	Võ Thị Sáu	400,000
75	Các lô đất trong khu vực chợ			4,500,000
II	**Thị trấn EaPốk**			
1	Tỉnh lộ 8	Ranh giới xã Cư Suê	Ngã 3 đi Buôn Pốk	600,000
		Ngã 3 đi Buôn Pốk	Cầu Thôn 1	1,200,000
		Cầu Thôn 1	Ngã 3 đi Buôn Mấp	1,400,000
		Ngã 3 đi Buôn Mấp	Ranh giới xã Quảng Tiến	800,000
2	Đường Vào Buôn Pốk A	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 300 m	400,000
		Từ 300 m	Buôn Pốk A	200,000
3	Đường Vào Buôn Mấp	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 300 m	250,000
		Vào sâu 300 m	Hết buôn Mấp	100,000
		Hết buôn Mấp	Đường vào Buôn Sút	80,000
4	Đường ngang Tỉnh lộ 8	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Vào sâu <= 100 m	400,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
5	Đường ngang ranh giới xã Quảng Tiến - Ea Pôk	Tỉnh lộ 8 +100m	vào sâu 300m	150,000
6	Khu dân cư còn lại Buôn mấp , An Bình, thôn 4 , thôn 5, Buôn Pốk A			60,000
7	Khu dân cư Buôn Pốk B , Buôn Lang, Buôn Sút			40,000
8	Khu dân cư còn lại			100,000
9	Khu vực chợ	Các lô đất quay mặt vào chợ		650,000
		Khu vực còn lại của chợ		500,000
III	**Xã Quảng Tiến**			
1	Tỉnh lộ 8	Ranh giới TT EaPốk	Cầu EaTul	800,000
		Cầu EaTul	Ngã 4 đi xã Ea Drơng	2,500,000
		Ngã 4 đi xã Ea Drơng	Ranh giới TT Quảng Phú	3,500,000
2	Đường đi xã Quảng Tiến đi xã EaRơng	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Km 1+ 00	300,000
3	Các đường ngang phía tây	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Vào 350 m	250,000
4	Các đường ngang phía Đông	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Vào 1 Km	250,000
5	Khu vực còn lại (Mục 3,4)			100,000
6	Đường ngang thôn Tiến thành	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Hướng tây 400 m	150,000
7	Khu dân cư còn lại thôn Tiến Thành			80,000
8	Đường giao thông TT Quảng Phú, xã Ea M'Nang	Giáp ranh xã Quảng Tiến, TT Quảng Phú	Giáp ranh xã Ea M'Nang	80,000
9	Đường ranh giới khối 1 TT Quảng Phú - xã Quảng Tiến	Tỉnh lộ 8	Hết đường	500,000
IV	**Xã Cư Suê**			
1	Tỉnh lộ 8	Giáp ranh phường Tân Lợi	Hết vườn nhà ông Y Đức	1,000,000
		Hết vườn nhà ông Y Đức	Giáp ranh TT EaPốk	600,000
2	Đường nhánh Tỉnh lộ 8 >= 6 m	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200 m	200,000
3	Đường nhánh Tỉnh lộ 8 >= 6 m	Đại lý Bích Giám (Buôn Rư)	Vào sâu 200 m	200,000
4	Đường nhánh Tỉnh lộ 8 >= 6 m	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200 m	100,000
5	Đường liên xã	Trung Tâm Xã	Trục đường Các phía + 300 m	150,000
		Trung tâm xã theo trục đường Các phía + 300 m	Tỉnh lộ 8 -200m	80,000
		Trung tâm xã theo trục đường Các phía + 300 m	Giáp Ea Mnang	80,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
6	Khu dân cư còn lại			50,000
V	**Xã EaM'nang**			
1	Đường liên xã	Cầu đi TT Quảng Phú (Rang giới xã Quảng Tiến)	Ranh giới Xã EaBa (Buôn Đôn)	150,000
		Cầu Cư Suê	Ea M'Nang	150,000
		Thôn 1a (Ngã 3 đi TT Quảng Phú, đi UBND xã Ea Mnang, đi Quảng Hiệp)	Cua 90 (Ranh giới xã Quảng Hiệp)	100,000
		Đường ranh giới xã Cư M'gar	Cua 90 (Ranh giới xã Quảng Hiệp)	100,000
3	Khu dân cư thôn 1A,1B,2A,2B, thôn 3			70,000
4	Khu dân cư thôn 5, 6, 7, 8			50,000
V I	**Xã EaDrơng**			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Cuôr Đăng	Giáp ranh huyện Krông Búk	400,000
2	Đường liên xã	Ranh giới xã Cuôr Đăng	Hết nhà máy chế biến mủ cao su	300,000
		Hết nhà máy chế biến mủ cao su	Ranh giới xã Quảng Tiến	80,000
3	Khu dân cư còn lại (mục 2)			50,000
4	Đường ngang Quốc lộ 14 (Đường rẽ vào khu dân cư NT Phú xuân)	Quốc lộ 14 (Trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200 m (Trừ KVực đã có)	180,000
	(Nhánh rẽ vào khu dân cư NT phú Xuân)	Khu dân cư còn lại		80,000
5	Khu dân cư còn lại Buôn Tar 1, Buôn Jong 1			60,000
6	Khu dân cư còn lại Buôn Tar 2, Buôn Hô, Buôn Kroa, Buôn Jong 2, Buôn Gram)			50,000
VII	**Xã Cuôr Đăng**			
1	Quốc Lộ 14	Ranh giới TP BMT	Đầu suối Ea Mkang	1,000,000
		Đầu suối Ea Mkang	Ranh giới Buôn Kohneh	800,000
		Ngã 3 Cuôr Đăng	Ranh giới Buôn Cuôr Đăng A	1,500,000
		Ngã 3 Cuôr Đăng	Ranh giới xã Ea Drơng (CS Phú Xuân)	1,500,000
2	Đường liên Xã	Ngã 3 Cuôr Đăng	Ranh giới xã EaDrơng	1,000,000
3	Đường vào Công ty cà phê Thăng Lợi	Quốc lộ 14	Ngã 3 Buôn Aring	500,000
		Ngã 3 Buôn Aring	Hết đường	80,000
4	Đường ngang Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 (Trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200 m	100,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
5	Khu vực chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		500,000
6	Khu dân cư còn lại			50,000
VIII	**Xã CưM'gar**			
1	Đường liên Xã	Ranh giới khối 6 TT Quảng Phú	Ranh giới khối 5 TT Quảng Phú	1,500,000
		Ranh giới khối 5 TT Quảng Phú	Hết ranh giới đất nhà Làng nghề truyền thống	900,000
		Hết ranh giới đất nhà Làng nghề truyền thống	Hết ranh giới đất Trường Học AmaTrang Lơng	500,000
		Hết ranh giới đất Trường Học AmaTrang Lơng	Cầu số 1	350,000
		Cầu I	Hết ranh giới đất Trường học Cao Bá Quát	300,000
		Hết ranh giới đất Trường học Cao Bá Quát	Cầu số 2	250,000
		Cầu số 2	Hết ranh giới đất Trường học Nguyễn Thị Minh Khai	300,000
		Hết ranh giới đất Trường học Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu 3 (Ranh giới xã Ea Mnang, Quảng Hiệp)	400,000
2	Đường ranh giới xã Cư Mgar, TT Quảng Phú	Ngã 3 Y Ngông - Nơ trang Long	Hết đường	400,000
		Ngã 3 Y Ngông	Võ Thị Sáu (Khối 5 TT Quảng Phú	400,000
3	Các đường ngang tiếp giáp với đường ranh giới khối 6 TT Quảng Phú (Nơ Trang Long)	Ranh giới khối 6 TT Quảng Phú (Đường Nơ Trang Long)	Vào sâu 250m	500,000
4	Đường ngã 3 trạm biến áp 35	Ngã 3 trạm biến áp 35	Ngã 4 đường thứ 2 Buôn Ka Na	200,000
5	Đường nhựa song song với đường liên xã của Buôn Kana	Ngã 3 đường vào nghĩa địa	Hết đường	200,000
6	Các đường ngàng với đường liên xã	Các ngã 3 đường liên xã của Buôn Kana B, Buôn Huk A, Buôn Huk B	Vào sâu 100m	150,000
		Ngã 3 đường liên xã vào Buôn Bling, Buôn Trắp, Buôn Dhung	Vào sâu 200m	120,000
		Ngã 3 đường liên xã (Đường đối diện UBND xã)	Vào sâu 1000m	150,000
		Ngã 3 đường liên xã đi các thôn 4, 5, 6 và 7	Vào sâu 500m	150,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
7	Khu dân cư còn lại của Buôn Kana A			40,000
8	Khu dân cư còn lại			40,000
IX	**Xã Quảng Hiệp**			
1	Đường liên xã đi TT Quảng Phú	UBND xã	Đường đi TT Quảng Phú 200 m	400,000
		Đường đi TT Quảng Phú + 200 m	Đường đi TT Quảng Phú 1000 m	150,000
		Đường đi TT Quảng Phú + 1200 m	Giáp ranh giới xã CưM'gar	100,000
4	Đường liên xã đi xã Ea Mdroh	UBND xã	Đường đi EaMróh 300 m	400,000
		Đường đi EaMróh +300 m	1200 m	200,000
		Giáp Xã EaMróh + 1500 m	Giáp EaMróh	100,000
5	Đường liên xã đi xã Ea Mdroh -xã Ea Kiết	UBND xã	Đường đi EaKiết 300 m	400,000
		Đường đi EaKiết + 300 m	1000 m	150,000
		Đường đi EaKiết + 1300 m	Giáp EaKiết	100,000
6	Đường liên xã đi xã Ea Mnang	Cua 90	Ngã 3 đi Ea Mnang	100,000
7	Khu vực chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		300,000
8	Đường đi Bưu điện	Đường liên xa đi Ea Kiết	Đường liên xa đi Ea Mdroh	200,000
9	Đường đi trạm y tế	Đường liên xa đi Ea Kiết	Hết Trạm y tế	150,000
10	Đường vào khu dân cư Hiệp Đoàn	Đường đi xã Cư Mgar (Ngã 3 vươn tếch)	Vào 1km	100,000
		Đường đi xã Cư Mgar (Ngã 3 vươn tếch) + 1km	2km	50,000
11	Đường vào trường Ngô Gia Tự	Ngã 3 Đường liên xã (Ngã 3 cây phượng)	Trường Ngô Gia Tự	70,000
12	Khu dân cư còn lại			50,000
X	**Xã EaMDróh**			
1	Trung tâm UBND xã	Ngã 4 UBND xã theo trục đường đi các phía	300m	150,000
2	Đường liên xã Ea Mdroh -Quảng Hiệp	UBND xã +300m	Giáp ranh giới xã Quảng Hiệp	100,000
3	Đường liên xã: Ea Mdroh - Ea Kiết - Quảng Hiệp	UBND xã +300m	Giáp ranh xã Quảng Hiệp, Ea Kiết	100,000
4	Đường liên xã: Ea Mdroh - Buôn Đôn	UBND xã +300m	Giáp ranh giới huyện Buôn Đôn	100,000
5	Khu dân cư còn lại			50,000
XI	**Xã EaKiết**			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
1	Khu vực ngã tư UBND xã	Ngã tư UBND xã	Các Phía theo trục đường 300 m (Trừ khu vực chợ)	350,000
2	Khu vực chợ	Mặt tiền đường khu vực chợ		800,000
		Các lô đất trong khu vực chợ		400,000
3	Đường liên huyện Krông Buk	Ngã tư UBND xã +300m	Hết ranh giới đất Trường Phan Đăng Lưu	100,000
		Hết ranh giới đất Trường Phan Đăng Lưu	Giáp ranh EaKuếh	70,000
4	Đường liên huyện Ea Sup	Ngã tư UBND xã +300m	Hết ranh giới đất Trụ sở Lâm trường Buôn Ja Wầm	200,000
		Hết ranh giới đất Trụ sở Lâm trường Buôn Ja Wầm	Ngã 3 (tiểu đoàn 303)	150,000
		Ngã 3 (tiểu đoàn 303)	Ngã 3 (Vườn ông Phổ thôn 2)	70,000
5	Đường liên xã Ea Hding	Ngã tư UBND xã +300m	Giáp xã Ea Hding	150,000
6	Đường liên xã Ea Kiết - Ea Mdroh	Ngã 4 thôn 10	Vào sâu 200m	200,000
		Ngã 4 thôn 10 + 200m	Giáp xã Ea Mdroh	70,000
7	Đường liên thôn	Ngã 4 nhà ông Ngọc (thôn 10)	Ngã 4 nhà ông Đoàn (thôn 5)	100,000
8	Đường liên thôn	Ngã 3 nhà ông Thảo (thôn 10)	Hội trường thôn 6	70,000
9	Đường liên thôn	Ngã 3 nhà ông Ngọc (thôn 10)	Nhà ông Chiên (Thôn 6)	50,000
10	Đường liên thôn	Ngã 3 nhà ông Mân (thôn 8)	Ngã 3 (Đường Ea Kuêh)	70,000
11	Đường liên thôn	Ngã 4 nhà ông Minh Thuỷ (thôn 10)	Ngã 3 (cổng chào thôn 7)	70,000
12	Đường liên thôn	Ngã 3 (cổng chào thôn 7)	Hết ranh giới thôn 14	50,000
13	Đường liên thôn	Cổng Chào thôn 10	Nhà ông Sum (thôn 10)	70,000
14	Đường liên thôn	Ngã tư UBND xã +300m	Hết ranh giới đất Trường Hoàng Văn Thụ	150,000
15	Đường liên thôn	Hết ranh giới đất Trường Hoàng Văn Thụ	Cổng chào thôn 2	70,000
16	Đường nội thôn	Cổng chào thôn 1	Ngã 3 (Nhà bà Liên)	100,000
17	Đường nội thôn	Cổng chào thôn 7	Nhà ông Phú(thôn 7)	50,000
18	Đường nội thôn	Ngã 3 (nhà ông Đoài thôn 1)	Nhà ông Hoa Lộc (thôn 1)	70,000
19	Đường nội thôn	Ngã 3 (nhà ông Nam thôn 5)	Nhà ông Hà (thôn 10)	70,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
20	Khu dân cư còn lại			50,000
XII	**Xã EaTar**			
1	Đường Liên xã Ea Tar - Ea Hding	Giáp ranh EaH'Đing	Cổng văn hoá thôn 4 (Ngã 4 UBND xã đi Ea Kuêh)	400,000
2	Đường Liên xã Ea Tar - Ea Kuêh	Cổng văn hoá thôn 4 thôn (Ngã 4 UBND xã đi Ea Kuêh)	Cầu EaTar	300,000
		Cầu EaTar	Hết ranh giới đất Trường Trần Cao Vân	150,000
		Hết ranh giới đất Trường Trần Cao Vân	Giáp ranh giới xã EaKuếh	50,000
3	Đường Liên xã Ea Tar - Cư Dliê Mnông	Cầu EaTar	Giáp ranh giới xã Cư Dliê Mnông	100,000
4	Đường ranh giới thôn 1 (EaTar - Ea Hding)	Ngã 3 Trung tâm cao su Ea Hding	Ngã 4 đập tràng Hô Ea Kắp	100,000
5	Đường nhựa thôn 2	Cây xăng Luyến Điểm	Hết ranh giới đất Trường học Nguyễn Văn Bé	150,000
		Hết ranh giới đất Trường học Nguyễn Văn Bé	Hết đập tràng Hô Ea Kắp	100,000
6	Đường nhựa thôn 3	Cây xăng Luyến Điểm	Hết ngã 3 thứ 3	100,000
7	Đường nhựa thôn 3 (Đường nhựa phía sau UBND xã)	Ngã 4 (nhà bà Hoa)	Hết ngã 4 thứ nhất (Ranh giới thôn 3, 4 (Nhà ông Ngẫu))	100,000
8	Đường nhựa thôn 4 (Đường nhựa phía sau UBND xã)	Hết ngã 4 thứ nhất (Ranh giới thôn 3, 4 (Nhà ông Ngẫu))	Hết đường	100,000
9	Đường nhựa ranh giới thôn 3 thôn 4	Ngã 4 Ranh giới thôn 3, 4 (Nhà ông Ngẫu)	Giáp cao su	100,000
10	Đường vào trạm y tế (mới)	Ngã 4 UBND xã	Trạm y tế (mới)	100,000
11	Khu dân cư còn lại thôn 1, 2, 3, 4, 5			70,000
12	Khu dân cư còn lại của Buôn Mlăng, Buôn Drai Sí, Buôn Tơng Lia, Buôn Ea Kiêng, Buôn Ea Tar, Buôn Kđoh			50,000
XIII	**Xã EaH'Đing**			
1	Trung tâm cụm xã Ea Hding	Ngã 3 Buôn Ea Sang	Các phía theo trục đường 500m	600,000
2	Đường liên xã Ea Kiết	Ngã 3 Buôn Ea Sang +500m	Ránh giới xã Ea Kiết	200,000
3	Đường liên xã Ea Tar	Ngã 3 Buôn Ea Sang +500m	Ranh giới xã Ea Tar	400,000
4	Đường liên xã Ea Kpam	Ngã 3 Buôn Ea Sang +500m	Cầu EaH'Đing	250,000
		Cầu EaH'Đing	Ránh giới xã Ea Kpam	100,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
5	Khu vực chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		400,000
6	Khu vực chợ	Khu vực còn lại		200,000
7	Đường ranh giới thôn 1 (EaTar - Ea Hding)	Ngã 3 Trung tâm cáo su Ea Hding	Ngã 4 đập tràng Hô Ea Kắp	100,000
8	Khu dân cư thôn 1 (Trừ Khu vực đã có)			70,000
9	Khu dân cư còn lại			50,000
10	Khu vực trường Trần Quang Khải	Ngã 3 đường liên xã Ea Hding - Ea Tar (Nhà ông Côi)	Hết trường học	400,000
		Ngã 3 trường Trần Quang Khải (Hướng đông)	Vào sâu 400m	300,000
11	Đường nhựa từ ngã 3 trường Trần Quang Khải	Ngã 3 trường học Trần Quang Khải	Đường liên xã Ea Dhing - Ea Kiết	300,000
XIV	**Xã EaKpam**			
1	Tỉnh Lộ 8	Ranh giới TT Quảng Phú	Ngã 4 vào đường T2, T8	1,300,000
		Ngã 4 vào đường T2, T8	Hết trụ sở Công ty Cao su CưM'gar	1,600,000
		Hết ranh giới đất Trụ sở Công ty Cao su CưM'gar	Giáp ranh EaTul	150,000
2	Đường liên xã Ea Kpam - Ea Hding	Ngã 3 tỉnh lộ 8	1500m	150,000
		Tỉnh lộ 8 + 1,5km	Giáp xã Ea Hding	120,000
3	Đường liên xã Ea Kpam - Cư Dliê Mnông	Ngã 3 EaTul	Giáp Buôn Đing xã Cư Dliê Mnông	80,000
4	Đường Vào hồ Buôn Jong	Tỉnh lộ 8	Vào 1,5 Km	120,000
		Tỉnh lộ 8 + 1,5 Km	Hết đường nhựa buôn Joong	100,000
5	Đường Ngang nối liền Thôn 1,2, 8, Tân Lập (Trừ khu vực đã có)	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 200 m	220,000
		Tỉnh lộ 8 + 200 m	500 m	200,000
		Tỉnh lộ 8 + 500 m	1000 m	120,000
6	Đường song song tỉnh lộ 8: Thôn 1, 2, 8, Tân Lập	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 200m	120,000
		Tỉnh lộ 8 + 200m	500m	100,000
		Tỉnh lộ 8 + 500m	1000m	80,000
7	Khu chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		450,000
8	Khu dân Cư còn lại			50,000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
XV	**Xã EaTul**			
1	Đường tỉnh lộ 8	Giáp xã EaKpam	Giáp xã CưĐliêM'nông	150,000
2	Đường liên xã	Ngã 3 Nông trường Ea Tul	Giáp Krông Búk	50,000
3	Đường vào UBND xã	Ngã ba Buôn Sah A	Ngã tư chợ	50,000
4	Khu chợ	Các lô đất mặt tiền		300,000
		Các lô đất trong chợ		200,000
5	Khu Dân Cư còn lại			20,000
XVI	**Xã CuDliêM'nông**			
1	Đường tỉnh lộ 8	Giáp xã EaTul	Ngã 3 vào UBND xã	150,000
		Ngã 3 vào UBND xã	Giáp EaNgai (Krông Búk)	200,000
2	Khu vực trung tâm xã	Trụ sở UBND xã	Các phía + 300 m	300,000
		Trụ sở UBND xã Các phía + 300 m	Các phía + 200m	200,000
3	Đường liên thôn	Thôn 6, thôn 5	Ngã 3 Buôn Rah	80,000
3	Khu dân cư Thôn 1,2,3,4,5,8,Tân thành, Tân Lập			70,000
4	Khu dân cư còn lại			50,000
5	Trục đường thôn Tân thành	Trục đường chính thôn Tân thành	Ngã ba thôn Tân Thành đi thôn Tân Lập	80,000
XVII	**Xã EaKuếh**			
1	Đường liên xã	Giáp xã EaKiết	Cầu suối đá	80,000
		Cầu suối đá	Vào Hồ Buôn Wing	100,000
		Trụ sở UBND + 400m	Các phía	120,000
		Trụ sở UBND - 400m	Giáp Cư Pơng	70,000
2	Đường liên xã Ea Kuêh - Ea tar	Cổng chào thôn Thác Đá	+ 500m các phía	80,000
3	Khu dân cư còn lại			50,000